TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 14-3-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thuyến, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2018/TLST-DS ngày 08/01/2018 về việc: "Tranh chấp thừa kế về tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1940; địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường H, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chánh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ C, khu phố Bình Hòa D, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2019); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ H, ấp L, xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 059/1, Tổ 1, khu phố B, phường K, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3.2. Ông Lê Anh B, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 177A, Tổ 2, khu phố T, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3.3. Ông Lê Văn A, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 23K, Đường số 10, Khu phố 3, phường L, quận Đ, Tp. Hồ Chí Minh; có mặt.

3.4. Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 6/4, đường Quang Trung, Tổ 17, Khu phố 2, phường H, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh; xin vắng mặt.

3.5. Ông Lê Thanh N, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 153/61, Tổ 2, Khu phố 3, phường F, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.6. Ông Lê Thanh S, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 18, đường Tân Hoà 2, Khu phố 6, phường H, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh; xin vắng mặt.

3.7. Bà Lê Ánh H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 19/5, đường Đoàn Công Hớn, Khu phố 1, phường T, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/12/2018 và lời khai trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Ông Lê Văn N, sinh năm 1940 có vợ là bà Nguyễn Thị Kim H (nguyên đơn). Ông N và bà H có với nhau 08 (Tám) người con chung gồm: Bà Lê Ánh H, sinh năm 1964; ông Lê Văn T, sinh năm 1966; bà Lê Thị L, sinh năm 1968; ông Lê Anh B, sinh năm 1972; ông Lê Văn A, sinh năm 1973; bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1974; ông Lê Thanh N, sinh năm 1976 và ông Lê Thanh S, sinh năm 1982. Cha mẹ của ông N là ông Lê Văn Q, sinh năm 1919, chết vào năm 1968 và bà Đỗ Thị D, sinh năm 1921, chết vào năm 1956. Ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị D đã chết trước ông Ngai. Ngoài những người con nêu trên thì ông N và bà H không có con nuôi, con riêng nào khác.

Quá trình chung sống ông N và bà H tạo lập được tài sản chung gồm quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích 512m^2 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 775233 (số vào sổ CH01900); số BT 775234 (số vào sổ CH01901); số BT775235 (số vào sổ CH01902); số BT 775236 (số vào sổ CH01903) và số BT775237 (số vào sổ CH01904) cùng ngày 26/11/2014 đứng tên ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kim H. Không có tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp (đất trống).

Đến ngày 12/12/2014, ông Lê Văn N chết và được UBND phường Uyên Hưng cấp Giấy chứng tử số 23/2015, quyển số 01/2014, ngày 23/4/2015. Ông N chết không để lại di chúc, bà H và một số người con bàn bạc chia di sản của ông Ngai để lại nhưng ông Lê Văn T không đồng ý. Do đó, bà H yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

1. Yêu cầu Tòa án chia cho bà Nguyễn Thị Kim H quyền sử dụng diện tích đất 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041,

1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Yêu cầu Tòa án phân chia di sản của ông Lê Văn N để lại theo pháp luật là quyền sử dụng diện tích đất 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bà H yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Chánh T trình bày: Ông T vẫn giữ nguyên lời trình bày trong các đơn khởi kiện và bổ sung như sau: Tại văn bản trình bày ý kiến ông Lê Thanh S nộp cho Tòa án thì ông S đồng ý cho bà H được nhận kỷ phần thừa kế của ông S quyền sử dụng diện tích đất 27,6m^2. Bà H đồng ý nhận kỷ phần của ông S.

Như vậy, tổng phần đất bà H được chia và phần đất bà H được hưởng di sản là 312m^2 nên bà H đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được nhận bằng hiện vật, cụ thể được nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 797, 1040 và 1041, tờ bản đồ số 9. Đối với các thửa đất số 1042 và 1043 thì bà H đề nghị chia cho các đồng thừa kế còn lại theo quy định của pháp luật. Do phần đất đang tranh chấp là đất tái định cư không ai trực tiếp quản lý, sử dụng nên bà H và những người con còn lại không yêu cầu tính công sức. Đề nghị Hội đồng xét xử chia đều di sản của ông N cho các đồng thừa kế.

- Bị đơn ông Lê Văn T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã đến nhà ông T để lấy lời khai nhưng ông T từ chối trình bày ý kiến đối với việc giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ánh H, bà Lê Thị Li và ông Lê Anh B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản tranh chấp. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, bà L và ông B đồng ý chia cho bà H được hưởng 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B và đồng ý chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Lê Văn N để lại là 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà Hồng, bà Lợi và ông Bằng đề nghị được nhận bằng hiện vật.

Tại phiên tòa bà H, bà L và ông B vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên và bổ sung như sau: Bà Lê Thị Kim H có văn bản đồng ý cho bà H, bà L và ông B được nhận một phần kỷ phần thừa kế của bà H là quyền sử dụng diện tích đất 14,8m^2 nên bà H, bà L và ông B đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của bà H. Như vậy, tổng diện tích mà bà H, bà L và ông B được chia di sản là 100m^2 nên bà H, bà L và ông B yêu cầu được cùng sử dụng và đứng tên chung đối với thửa đất số 1042. Bà H, bà L và ông B không yêu cầu Tòa án tính công sức đối với việc chia di sản của ông N. Đối với thửa đất 1043 còn lại thì đề nghị Tòa án chia cho ông T, ông N và ông A theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn A trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản tranh chấp. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A đồng ý chia cho bà H được hưởng 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B và đồng ý chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Lê Văn N để lại là 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông A vẫn giữ nguyên lời trình bày như đã nêu và bổ sung như sau: Bà Lê Thị Kim H và Lê Thanh S đồng ý nhường cho ông A được nhận kỷ phần thừa kế của bà Hdiện tích đất 13,6m^2 và kỷ phần thừa kế của ông S diện tích 0,8m^2. Như vậy, tổng diện tích đất ông A được chia là 42,8m^2. Bà H đã yêu cầu được nhận các thửa đất số 797, 1040 và 1041 còn bà H, bà L và ông Byêu cầu được nhận thửa đất số 1042 thì ông A cũng đồng ý. Đối với thửa đất 1043 còn lại thì ông A, ông T và ông Nkhông thỏa thuận được giá trị của thửa đất và ai sẽ nhận hiện vật nên ông A đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh S trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản tranh chấp. Ông S đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Trường hợp Tòa án chia di sản của ông N thì ông S nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà Hvà ông A. Cụ thể ông S nhường cho bà H quyền sử dụng diện tích đất 27,6m^2 và ông A quyền sử dụng diện tích đất 0,8m^2. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông S.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim H trình bày:* Bà H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản tranh chấp. Bà H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Trường hợp Tòa án chia di sản của ông N thì bà H nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà L, bà H, ông B và ông A. Cụ thể bà H nhường cho bà L, bà H và ông B mỗi người một phần bằng nhau trong diện tích đất 14,8m^2 và nhường cho ông A quyền sử dụng diện tích đất 13,6m^2. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã đến nhà ông N để lấy lời khai nhưng ông N từ chối trình bày ý kiến đối với việc giải quyết vụ án.*

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngai gồm có: Bà Nguyễn Thị Kim H (vợ ông N) và các con của ông N bà Lê Ánh H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị L, ông Lê Anh B,

ông Lê Văn A, bà Lê Thị Kim H, ông Lê Thanh N và ông Lê Thanh S. Cha mẹ của ông N là ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị D đã chết trước ông N. Ngoài những người con nêu trên thì ông N và bà H không có con nuôi, con riêng nào khác.

Về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đứng tên ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kim H. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã Tân Uyên và 4/6 người con của bà H thừa nhận tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên là tài sản chung của bà H và ông N. Đây là phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kim H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia cho bà Nguyễn Thị Kim H quyền sử dụng đất diện tích 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Chia thừa kế di sản của ông Lê Văn N là quyền sử dụng đất diện tích 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042, và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

Việc ông Lê Thanh S và bà Lê Thị Kim Hnhường kỷ phần thừa kế cho bà H, ông A, bà L, bà H và ông B là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của ông S, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Lê Văn Tvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim H và ông Lê Thanh S vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Căn cứ các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp thừa kế về tài sản mà đối tượng tranh chấp là bất động sản tại xã B, thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ các điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Về nội dung vụ án:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án chia cho bà Nguyễn Thị Kim H quyền sử dụng đất diện tích 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên.

Phân chia di sản của ông Lê Văn N để lại theo pháp luật đối với quyền sử dụng diện tích đất 256m^2 trong tổng diện tích 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Tân Uyên thể hiện diện tích đất tranh chấp gồm: Quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tổng diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 512m^2. Các thửa đất này liền ranh nhau và có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp hành lang kỹ thuật; hướng Tây giáp vỉa hè của đường D3A; hướng Nam giáp thửa đất số 1044; hướng Bắc giáp vỉa hè của đường N1. Ranh giới xung quanh các thửa đất là trụ bê tông. Trên đất tranh chấp không có tài sản gắn liền với đất.

[1.2] Hồ sơ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Tân Uyên cung cấp thể hiện các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 775233 (số vào sổ CH01900); số BT 775234 (số vào sổ CH01901); số BT 775235 (số vào sổ CH01902); số BT 775236 (số vào sổ CH01903) và số BT 775237 (số vào sổ CH01904) cùng ngày 26/11/2014 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kim H.

[1.3] Kết quả định giá xác định giá trị tài sản tranh chấp là: 512m^2 đất thổ cư trị giá 1.689.600.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 219 của Bộ luật dân sự 2005 (nay là Điều 213 Bộ luật dân sự 2015) và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (nay là Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014) thì vợ chồng đều có quyền lợi, nghĩa vụ ngang nhau về tài sản. Như vậy, bà H yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản là có căn cứ. Phần tài sản bà H được chia tương đương giá trị 844.800.000 đồng.

[2] Về hàng thừa kế: Theo kết quả xác minh và lời khai của các đương sự có đủ căn cứ xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn N gồm có: Bà Nguyễn Thị Kim H (vợ ông N) và các con là bà Lê Ánh H; ông Lê Văn T; bà Lê Thị L; ông Lê Anh B; ông Lê Văn A; bà Lê Thị Kim H; ông Lê Thanh N và ông Lê Thanh S. Cha mẹ của ông N là ông Lê Văn Q và bà Đỗ Thị D đã chết trước ông N. Ngoài những người con nêu trên thì ông N và bà H không có con nuôi, con riêng nào khác.

[3] Ông Lê Văn N chết ngày 12/12/2014 không để lại di chúc nên theo quy định tại Điều 675 và 676 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 650 và 651 Bộ luật dân sự 2015) thì bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông N là có căn cứ chấp nhận. Xét thấy cần chia di sản của ông N để lại là ½ trong tổng diện tích 512m^2 (tức là 256m^2) thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên cho các đồng thừa kế của ông Lê Văn N là bà Nguyễn Thị Kim H (vợ ông N) và các con của ông N là bà Lê Ánh H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị L, ông Lê Anh B, ông Lê Văn A, bà Lê Thị Kim H, ông Lê

Thanh N và ông Lê Thanh S theo quy định của pháp luật. Phần di sản của ông N được xác định chia đều cho 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 28,4m^2. Phần di sản của ông N được xác định giá trị 844.800.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) chia đều cho 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 93.866.600 đồng (*Chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*). Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu tính công sức khi chia di sản thừa kế của ông Lê Văn N nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Thanh S và bà Lê Thị Kim H có văn bản tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà H, ông A, bà L, ông Bvà bà H. Cụ thể ông Lê Thanh S nhường cho bà H quyền sử dụng diện tích đất 27,6m^2 và nhường cho ông Lê Văn Aquyền sử dụng diện tích đất 0,8m^2; bà Lê Thị Kim H nhường cho bà Lê Thị L, ông Lê Anh B và bà Lê Thị Ánh H mỗi người một phần bằng nhau trong diện tích đất 14,8m^2 và nhường cho ông Lê Văn A quyền sử dụng diện tích đất 13,6m^2. Ý chí của ông S và bà H là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, phần bà H được chia và phần bà H được hưởng di sản là quyền sử dụng đất diện tích 312m^2, trị giá 1.029.600.000 đồng; ông Lê Văn A được hưởng là quyền sử dụng đất diện tích 42,8m^2, trị giá 141.240.000 đồng; bà Lê Thị L, ông Lê Anh B và bà Lê Thị Ánh H mỗi người được hưởng là quyền sử dụng đất diện tích 33,33m^2, trị giá của mỗi người là 109.890.000 đồng (tổng diện tích ông B, bà L và bà H được chia là 100m^2). Ông T và ông N mỗi người được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 28,4m^2, trị giá là 93.866.600 đồng.

[5] Xét quyền sử dụng đất mà các đương sự đang tranh chấp là các thửa đất độc lập và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với từng thửa, mỗi thửa đều có một mặt giáp đường đi và diện tích đảm bảo chia được bằng hiện vật nên việc bà H đề nghị được nhận các thửa đất số 797, 1040 và 1041 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Lê Thị L, ông Lê Anh B và bà Lê Thị Ánh Hcó văn bản thỏa thuận đề nghị được đứng tên đồng sử dụng đối với thửa số 1042, diện tích 100m^2 là phù hợp với quy định của luật đất đai nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Phần còn lại thuộc thửa đất số 1043, diện tích 100m^2 không thể chia bằng hiện vật cho cả ông T, ông N và ông A. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để ông T và ông N có thể thỏa thuận với ông A về giá trị tài sản và người nhận di sản bằng hiện vật nhưng ông T và ông N không hợp tác nên việc thỏa thuận không thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015 để phát mãi quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1043, diện tích 100m^2 để chia thừa kế bằng giá trị cho ông T, ông N và ông A tương đương với phần diện tích đất mà các ông được hưởng di sản thừa kế tại thời điểm thi hành án.

[7] Tòa án đã chia di sản thừa kế của ông Lê Văn N nên cần kiến nghị UBND thị xã Tân Uyên thu hồi những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 775233 (số vào sổ CH01900); số BT 775234 (số vào sổ CH01901); số BT 775235 (số vào sổ CH01902); số BT 775236 (số vào sổ CH01903) và số BT

775237 (số vào sổ CH01904) cùng ngày 26/11/2014 đứng tên ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kim H để cấp lại cho người được nhận thừa kế và người nhận tài sản phát mãi theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận phần.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về chi phí đo đạc, định giá: Chi phí đo đạc, định giá là 2.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp tạm ứng số tiền 2.500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự phải chịu chi phí đo đạc, định giá tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà mình được hưởng nhưng nguyên đơn tự nguyện nộp nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ số tiền 2.500.000 đồng nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 92, 147, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 213, khoản 2 Điều 468; các điều 611, 612, 616, 623, 647, 650, 651 và Khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 97, 100, 166 và 167 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H đối với bị đơn ông Lê Văn T về việc tranh chấp thừa kế về tài sản.

2. Xác định quyền sử dụng diện tích đất 512m^2 thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tổng trị giá 1.689.600.000 đồng là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kim H và ông Lê Văn N.

3. Xác định di sản do ông Lê Văn Nđể lại cho các đồng thừa kế là ½ trong tổng diện tích 512m^2 (tức là 256m^2) thuộc các thửa đất số 797, 1040, 1041, 1042 và 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B có tổng giá trị là 844.800.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

4. Chia cho bà Nguyễn Thị Kim H quyền sử dụng diện tích đất 312m^2 (trị giá tương đương 1.029.600.000 đồng) thuộc các thửa đất số 797, 1040 và 1041, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đất có tứ cận:

+ Hướng Đông giáp hành lang kỹ thuật;

+ Hướng Tây giáp vỉa hè của đường D3A;

+ Hướng Nam giáp thửa đất số 1042;

+ Hướng Bắc giáp vỉa hè của đường N1;

(Có sơ đồ kèm theo);

5. Chia cho bà Lê Thị L, ông Lê Anh B và bà Lê Thị Ánh H được đồng sử dụng diện tích đất 100m^2 thuộc thửa đất số 1042, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đất có tứ cận:

+ Hướng Đông giáp hành lang kỹ thuật;

+ Hướng Tây giáp vỉa hè của đường D3A;

+ Hướng Nam giáp thửa đất số 1043;

+ Hướng Bắc giáp thửa đất số 1041;

(Có sơ đồ kèm theo) ;

6. Phát mãi quyền sử dụng diện tích đất 100m^2 thuộc thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 9 tại xã B, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đất có tứ cận:

+ Hướng Đông giáp hành lang kỹ thuật;

+ Hướng Tây giáp vỉa hè của đường D3A;

+ Hướng Nam giáp thửa đất số 1044;

+ Hướng Bắc giáp thửa đất số 1042;

(Có sơ đồ kèm theo)

Chia thừa kế bằng giá trị đối với số tiền phát mãi được của thửa đất số 1043 tại thời điểm thi hành án như sau: Ông Lê Văn A được nhận giá trị tương ứng với diện tích đất 42,8m^2; các ông Lê Văn Tvà Lê Văn N mỗi người được nhận giá trị tương ứng với diện tích đất 28,4m^2.

7. Kiến nghị UBND thị xã Tân Uyên thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ BT 775233 (số vào sổ CH01900/QSDĐ/TU); số BT 775234 (số

vào sổ CH01901/QSDĐ/TU); số BT775235 (số vào sổ 01902/QSDĐ/TU); số BT775236 (số vào sổ CH01903/QSDĐ/TU) và số BT775237 (số vào sổ CH01904/QSDĐ/TU) cùng ngày 26/11/2014 đứng tên ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kim H để cấp lại cho người được nhận thừa kế và người nhận tài sản phát mãi theo quy định của pháp luật.

8. Các đương sự và người nhận tài sản phát mại có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

9.1 Bà Nguyễn Thị Kim H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

9.2 Ông Lê Văn T và ông Lê Văn N mỗi người phải nộp số tiền 4.963.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

9.3 Bà Lê Thị L, ông Lê Anh B và bà Lê Thị Ánh H mỗi người phải nộp số tiền 5.499.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

9.4 Ông Lê Văn A phải nộp số tiền 7.062.000 đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về chi phí đo đạc, định giá: Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp số tiền 2.500.000 đồng khấu trừ vào số tiền đã nộp nên bà H không phải nộp thêm.

11. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền